

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công nhận tốt nghiệp Đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 4 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 3647/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên và các trường thành viên;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 418/QĐ-ĐT ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ kết quả kiểm tra, đối chiếu hồ sơ sinh viên ngày 01 tháng 4 năm 2014 của phòng Thanh tra khảo thí & đảm bảo chất lượng giáo dục;

Căn cứ vào kết luận của Hội đồng xét tốt nghiệp Nhà trường họp ngày 13 tháng 3 năm 2014;

Xét đề nghị của các ông Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng phòng CT-HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy danh hiệu kỹ sư cho 69 sinh viên (có danh sách kèm theo) thuộc các chuyên ngành sau:

- | | |
|---------------------------------------|--------------------------|
| 1. Cơ khí Động lực: | 07 sinh viên (Stt 1÷7) |
| 2. Hệ thống điện: | 01 sinh viên (Stt 8) |
| 3. Tự động hóa Xí nghiệp Công nghiệp: | 10 sinh viên (Stt 9÷18) |
| 4. Điện tử Viễn thông: | 02 sinh viên (Stt 19÷20) |
| 5. Điều khiển tự động: | 01 sinh viên (Stt 21) |
| 6. Kỹ thuật Điện tử: | 02 sinh viên (Stt 22÷23) |
| 7. Kỹ thuật Điều khiển: | 01 sinh viên (Stt 24) |
| 8. Kỹ thuật Máy tính: | 03 sinh viên (Stt 25÷27) |
| 9. Cơ khí Chế tạo Máy: | 34 sinh viên (Stt 28÷61) |
| 10. Cơ khí Luyện kim Cán thép: | 01 sinh viên (Stt 62) |
| 11. Kỹ thuật Cơ khí | 04 sinh viên (Stt 63÷66) |
| 12. Kỹ thuật Công trình Xây dựng: | 02 sinh viên (Stt 67÷68) |
| 13. Kỹ thuật Môi trường: | 01 sinh viên (Stt 69) |

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT, CT-HSSV,
TTKT & ĐBCLGD.





DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Danh hiệu: Kỹ sư

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-ĐHKTCN ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Hiệu trưởng)

TT	Lớp	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Giới tính	TBTL	Xếp loại
Chuyên ngành: Cơ khí động lực								
1	K42CĐL.01	1111060171	Chu Đức	Du	06/01/1987	Nam	2.00	Trung bình
2	LT10 - CDL	11511014007	Bàn Duy	Đông	04/02/1988	Nam	2.15	Trung bình
3	LT10 - CDL	11511014034	Trần Thái	Dũng	24/05/1969	Nam	2.29	Trung bình
4	LT10 - CDL	11511014018	Lê Xuân	Lưu	11/09/1988	Nam	2.06	Trung bình
5	LT10 - CDL	11511014037	Tô Văn	Nghiệp	11/01/1989	Nam	2.06	Trung bình
6	LT10 - CDL	11511014021	Phạm Văn	Quý	19/09/1989	Nam	2.11	Trung bình
7	LT10 - CDL	11511014022	Nguyễn Văn	Sinh	21/08/1989	Nam	2.14	Trung bình
Chuyên ngành: Hệ thống điện								
8	K42HTĐ.01	1111061012	Nguyễn Tiến	Dũng	24/08/1987	Nam	2.03	Trung bình
Chuyên ngành: Tự động hóa Xí nghiệp CN								
9	CT43TĐH.01	1141060002	Ma Văn	Bằng	05/04/1986	Nam	2.03	Trung bình
10	CT43TĐH.01	1141060047	Phùng Quang	Trường	13/08/1987	Nam	2.06	Trung bình
11	K42TĐH.01	1111060185	Đoàn Mạnh	Hùng	19/08/1987	Nam	2.02	Trung bình
12	K42TĐH.05	1111061145	Đoàn Văn	Tuấn	04/11/1988	Nam	2.02	Trung bình
13	K43TĐH.03	11110740137	Nguyễn Phúc	Tinh	08/06/1988	Nam	2.02	Trung bình
14	K43TĐH.04	11110740220	Đặng Bá	Duy	20/06/1988	Nam	2.03	Trung bình
15	K43TĐH.04	11110740243	Nguyễn Mạnh	Thìn	14/11/1988	Nam	2.08	Trung bình
16	K44TĐH.03	DTK0851020232	Nguyễn Tiến	Trung	23/07/1990	Nam	2.01	Trung bình
17	K44TĐH.05	DTK0851020385	Nguyễn Quang	Trường	18/01/1990	Nam	2.05	Trung bình
18	LT10 - TDH	11511041045	Đỗ Văn	Tùng	08/04/1988	Nam	2.06	Trung bình
Chuyên ngành: Điện tử Viễn thông								
19	K44ĐVT.01	DTK0851030163	Trần Đình	Điều	31/07/1989	Nam	2.26	Trung bình
20	K44ĐVT.01	DTK0851030050	Nguyễn Văn	Thăng	08/11/1990	Nam	2.25	Trung bình
Chuyên ngành: Điều khiển Tự động								
21	LT10 - DDK	11511054002	Nguyễn Đức	Tài	02/03/1989	Nam	2.00	Trung bình
Chuyên ngành: Kỹ thuật Điện tử								
22	K42KĐT.01	1111060903	Lê Hồng	Quân	15/05/1987	Nam	2.02	Trung bình
23	LT10 - KDT	11511052007	La Thị	Khuyên	20/08/1989	Nữ	2.02	Trung bình
Chuyên ngành: Kỹ thuật Điều khiển								
24	K41DDK.01	111050821	Phạm Trung	Hiếu	18/02/1987	Nam	2.03	Trung bình
Chuyên ngành: Kỹ Thuật Máy Tính								

25	K44KMT.01	DTK0851030095	Đỗ Việt	Hiển	22/12/1990	Nam	2.41	Trung bình khá
26	K44KMT.01	DTK0851030142	Mai Văn	Tuyên	25/06/1990	Nam	2.83	Khá
27	LT09 KMT	11510953012	Nguyễn Duy	Long	01/08/1987	Nam	2.26	Trung bình
Chuyên ngành: Cơ khí Chế tạo Máy								
28	K40ME(K40CCM.04)	40.0652.K40K	Nguyễn Thành	Luân	04/10/1986	Nam	2.00	Trung bình
29	K42CCM.04	1111060634	Nguyễn Văn	Hải	20/08/1987	Nam	2.02	Trung bình
30	K42CCM.04	1111060688	Nguyễn Mạnh	Tùng	09/10/1987	Nam	2.01	Trung bình
31	K43CCM.04	11110710465	Lương Hùng	Cường	28/02/1988	Nam	2.01	Trung bình
32	K43CCM.06	11110710717	Lê Văn	Nghị	24/08/1987	Nam	2.06	Trung bình
33	K43SCK.01	11110760185	Hà	Lê	02/08/1989	Nữ	2.61	Khá
34	K43SCK.01	11110760205	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	07/11/1988	Nữ	2.56	Khá
35	K44CCM.02	DTK0851010232	Nguyễn Hữu	Duy	18/04/1990	Nam	2.13	Trung bình
36	K44CCM.02	DTK0851010167	Trương Văn	Hậu	10/12/1990	Nam	2.10	Trung bình
37	K44CCM.02	DTK0851010264	Ngô Văn	Quang	27/05/1990	Nam	2.34	Trung bình khá
38	K44CCM.03	DTK0851010321	Hà Trọng	Hiếu	27/07/1990	Nam	2.51	Khá
39	K44CCM.03	DTK0851010325	Lê Văn	Khiêm	30/06/1990	Nam	2.05	Trung bình
40	K44CCM.03	DTK0851010344	Lê Văn	Quang	03/05/1990	Nam	2.33	Trung bình khá
41	K44CCM.03	DTK0851010347	Nhữ Mai	Thái	09/01/1990	Nam	2.08	Trung bình
42	K44CCM.03	DTK0851010283	Nguyễn Văn	Trình	28/01/1990	Nam	2.36	Trung bình khá
43	K44CCM.04	DTK0851010462	Nguyễn Minh	Hà	30/11/1991	Nam	2.15	Trung bình
44	K44CCM.04	DTK0851010471	Hoàng Văn	Hưng	08/04/1989	Nam	2.04	Trung bình
45	K44CCM.04	DTK0851010474	Phạm Sỹ	Huỳnh	02/11/1990	Nam	2.08	Trung bình
46	K44CCM.04	DTK0851010484	Đào Đức	Long	18/11/1990	Nam	2.01	Trung bình
47	K44CCM.06	DTK0851010655	Nguyễn Văn Thành	An	17/12/1990	Nam	2.13	Trung bình
48	K44CCM.06	DTK0851010658	Phùng Văn	Công	21/11/1989	Nam	2.10	Trung bình
49	K44CCM.06	DTK0851010624	Mai Xuân	Quân	14/04/1990	Nam	2.14	Trung bình
50	K44CCM.06	DTK0851010648	Nguyễn Văn	Tỵ	24/10/1989	Nam	2.03	Trung bình
51	K44CCM.06	DTK0851010653	Dương Văn	Việt	14/11/1989	Nam	2.39	Trung bình khá
52	K44SCK.01	DTK0851060102	Phan Đức	Tài	02/11/1990	Nam	2.29	Trung bình
53	LT09CCM.01	11510911036	Vũ Văn	Đồng	17/11/1988	Nam	2.08	Trung bình
54	LT09CCM.01	11510911005	Trần Đình	Bắc	18/02/1987	Nam	2.00	Trung bình
55	LT09CCM.03	11510911389	Nguyễn Duy	Tuấn	12/04/1987	Nam	2.03	Trung bình
56	LT09CCM.04	11510911139	Phạm Minh	Nhân	23/10/1987	Nam	2.08	Trung bình
57	LT09CCM.04	11510911178	Nguyễn Văn	Thiện	23/11/1988	Nam	2.05	Trung bình
58	LT10 - CCM.01	11511011089	Trần Văn	Tâm	16/10/1989	Nam	2.08	Trung bình
59	LT10 - CCM.01	11511011113	Trần Xuân	Toàn	26/12/1989	Nam	2.08	Trung bình



60	LT10 - CCM.01	11511011123	Đào Duy	Tuấn	19/05/1985	Nam	2.05	Trung bình
61	LT10 - CCM.02	11511011042	Phùng Quang	Học	09/01/1988	Nam	2.11	Trung bình
Chuyên ngành: Cơ khí luyện kim cán thép								
62	LT09CLK.01	11510912004	Phạm Văn	Bách	06/06/1987	Nam	2.03	Trung bình
Chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí								
63	LT10 - KCK	11511015002	Nguyễn Văn	Chiều	04/10/1987	Nam	2.47	Trung bình khá
64	LT10 - KCK	11511015005	Nguyễn Khắc	Hiếu	01/10/1989	Nam	2.39	Trung bình khá
65	LT10 - KCK	11511015007	Hà Văn	Huy	29/07/1989	Nam	2.58	Khá
66	LT10 - KCK	11511015009	Bùi Văn	Tuấn	03/02/1989	Nam	2.26	Trung bình
Chuyên ngành: Kỹ thuật Công trình Xây dựng								
67	K42KXC.01	111050260	Hoàng Ngọc	Linh	17/10/1986	Nam	2.03	Trung bình
68	LT10 - KXC	11511020013	Cao Văn	Tuấn	16/12/1983	Nam	2.11	Trung bình
Chuyên ngành: Kỹ thuật Môi trường								
69	K41TMT.01	111050201	Trần Hữu	Tài	24/10/1986	Nam	2.02	Trung bình

Ấn định danh sách: 69 Sinh viên



PGS.TS. Phan Quang Thế



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận tốt nghiệp Đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ nghị định 31/CP ngày 4 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 3647/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên và các trường thành viên;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 418/QĐ-ĐT ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ kết quả kiểm tra, đối chiếu hồ sơ sinh viên ngày 01 tháng 4 năm 2014 của phòng Thanh tra khảo thí & đảm bảo chất lượng giáo dục;

Căn cứ vào kết luận của Hội đồng xét tốt nghiệp nhà trường họp ngày 13 tháng 3 năm 2014;
Xét đề nghị của các ông Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng phòng CT-HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy danh hiệu cử nhân cho 06 sinh viên (có danh sách kèm theo) thuộc các chuyên ngành sau:

- | | |
|-----------------------------|------------------------|
| 1. Sư phạm Kỹ thuật Cơ khí: | 02 sinh viên (Stt 1÷2) |
| 2. Kế toán Doanh nghiệp: | 04 sinh viên (Stt 3÷6) |

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT, CT-HSSV,
TTKT & ĐBCLGD.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phan Quang Thế

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Danh hiệu: Cử nhân

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

(Kèm theo Quyết định số: 319 /QĐ-ĐHKTCN ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Hiệu trưởng)

TT	Lớp	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Giới tính	TBTL	Xếp loại
Chuyên ngành: Sư phạm Kỹ thuật Cơ khí								
1	K43SCK.01	11110760185	Hà	Lê	02/08/1989	Nữ	2.63	Khá
2	K43SCK.01	11110760205	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	07/11/1988	Nữ	2.64	Khá
Chuyên ngành: Kế toán Doanh nghiệp								
3	LT09KTN.02	11510975130	Đỗ Bá	Huân	25/10/1986	Nam	2.02	Trung bình
4	LT09KTN.02	11510975096	Dương Thanh	Tùng	16/10/1985	Nam	2.13	Trung bình
5	LT10 - KTN	11511075043	Hoàng Thị	Ngọc	02/09/1989	Nữ	2.17	Trung bình
6	LTCN12 KTN1	CN11511275089	Nguyễn Thị	Nhung	19/07/1991	Nữ	2.74	Khá

Ấn định danh sách: 06 Sinh viên



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Quang Thế